

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-ST

Ngày: 15-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Cầm.

Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trọng Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Thị N; sinh năm 1970; nơi sinh: Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm 5, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức B, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942; có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và 01 con, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17-01-2014 bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt tiền 5.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ, mua bán đồ chơi nguy hiểm” và ngày 07-3-2017 bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Bán bạng số đề”; bị bắt tạm giữ từ ngày 29-6-2020 đến ngày 03-7-2020, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 44 ngày 03-7-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 33/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 01-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

. Ông Hoàng Minh C; sinh năm 1963; cư trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

. Ông Nguyễn Văn B; sinh năm 1969; cư trú tại: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt)..

. Anh Nguyễn Văn V; sinh năm 1974; cư trú tại: Xóm 3, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

. Chị Vũ Thị S; sinh năm 1974; cư trú tại: Xóm 8, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

+ *Người chứng kiến:*

. Ông Nguyễn Hữu Đ; sinh năm 1969 (Vắng mặt).

. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1965 (Vắng mặt).

. Anh Vũ Mạnh C; sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm 5, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 29-6-2020, ông Hoàng Minh C, sinh năm 1963; trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cùng với Nguyễn Văn B, sinh năm 1969; trú tại: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định đến quán bia của gia đình Bùi Thị N ở xóm 5, T, V, Nam Định để uống bia. Trong khi ngồi uống bia ở ngoài hiên ông C và ông B thấy N ngồi ở bàn trong nhà đang ghi số lô, số đề. Sau khi phát hiện thấy N ghi số lô số đề, ông C đã đi vào trong nhà gặp N và hỏi mua số lô số đề của N và N đã đồng ý bán cho ông C các số lô số đề gồm: Số đề 71 là 20.000 đồng, số đề 95 là 10.000 đồng và số đề kép gồm có các số 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 mỗi số là 50.000 đồng; các số lô 05, 52, 54, 47, 63 mỗi số là 30 điểm (số lô giá là 22.500 đồng/01 điểm), tổng số tiền ông C mua các số lô số đề nêu trên của N là 3.905.000đ (Ba triệu chín trăm linh năm nghìn đồng). N đã ghi tất cả các số lô số đề mà ông C mua vào 2 tờ cấp bằng giấy màu trắng có kích thước là (5,8x7,4) cm rồi đưa cho ông C 01 tờ, ông C đã trả cho N số tiền là 3.905.000 đồng rồi đi ra bàn tiếp tục ngồi uống bia cùng với ông B. Ông C và ông B ngồi uống bia được một lúc thì ông B cũng đi vào trong nhà gặp N và hỏi mua số lô số đề của N và N đã đồng ý bán cho ông B các số lô số đề gồm: Số đề 88 là 5.000 đồng, số đề có tổng bằng 4 gồm có các số 04, 40, 13, 31, 59, 95, 68, 86, 22, 77 mỗi số là 50.000 đồng; các số lô 17, 71 mỗi số là 25 điểm (số lô giá là 22.500 đồng/01 điểm); tổng số tiền ông B mua các số lô số đề nêu trên của N là 1.630.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). N đã ghi tất cả các số lô đề ông B mua vào 02 tờ cấp bằng giấy màu trắng có kích thước là (5,8x7,4) cm rồi đưa cho ông B 01 tờ, ông B đã trả cho N số tiền là 1.630.000 đồng. Khi N vừa nhận số tiền của ông B đưa thì Tổ công tác của Công an

huyện V, tỉnh Nam Định vào kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Tổ công tác của Công an huyện V đã thu giữ các vật chứng gồm: Số tiền 5.535.000 đồng là số tiền các đối tượng đã sử dụng vào việc mua - bán số lô số đề; 04 tờ cap ghi số lô số đề bằng giấy màu trắng đều có kích thước là (5,8x7,4) cm; 01 bút bi Thiên Long vỏ màu đen, mực đen; 02 bảng ghi số lô số đề bằng giấy màu trắng đều có kích thước là (21x15) cm.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Thị N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, số Imei1: 353324072143065, có gắn sim số 0827506897; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, số Imei1: 861570044804516, số Imei 2: 861570044804508, có gắn sim số 0816381669.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V còn xác định được trước khi bị bắt quả tang về hành vi bán trái phép số lô số đề cho ông C và ông B thì N đã bán trái phép số lô số đề cho một số người khách mà N không biết tên, tuổi, địa chỉ đã đến uống bia tại quán của gia đình N, với tổng số tiền là 2.889.000đ (Hai triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) và N đã viết tắt cả các số lô số đề mà N đã bán được cho một số người khách đó vào 02 bảng ghi số lô số đề bằng giấy màu trắng có kích thước là (21x15) cm; ngoài ra qua kiểm tra điện thoại di động của N đã phát hiện trong chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s Plus có gắn sim số 0827506897 có thể hiện nội dung tin nhắn N đã bán trái phép cho anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1974, ở xóm 3, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định số lô 08 là 20 điểm và số lô xiên 4 gồm có các số 08, 23, 65, 63 là 50.000 đồng; tổng số tiền anh V mua số lô của N là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và anh V đã trả tiền cho N.

Về cách thức tính thưởng trong việc N bán trái phép số lô số đề được quy định: Sau khi có kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng vào lúc 18 giờ 15 phút hàng ngày thì đối chiếu với kết quả của Xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó. Số đề nếu trúng là số trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt, tỷ lệ trúng là 1 ăn 80 (Người chơi mua số tiền là 1.000 đồng nếu trúng thì được ăn số tiền là 80.000 đồng). Số lô nếu trúng là số trùng với 02 số cuối của tất cả các giải, tỷ lệ trúng 01 điểm lô ăn 80.000 đồng (Người chơi mua 01 điểm lô nếu trúng thì được ăn số tiền là 80.000 đồng).

Ngày 06-7-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định để giám định chữ ký, chữ viết trên các tài liệu thu giữ của Bùi Thị N (Ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị N trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) có phải do cùng người viết ký ra hay không. Tại Kết luận giám định số 763/KLGĐ-PC09 ngày 15-7-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Chữ viết bằng mực màu đen trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ viết đứng tên Bùi Thị N trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) là do

cùng một người viết ra; Không đủ cơ sở kết luận chữ ký bằng mực màu đen trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký đứng tên Bùi Thị N trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3).

Ngày 06-8-2020, N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V số tiền 3.389.000 đồng, là tiền N đã bán số lô số đề cho anh V và một số người khách mà N không biết tên, tuổi, địa chỉ.

Ngày 06-8-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt cảnh cáo đối với ông Hoàng Minh C, ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn V về hành vi “Mua số lô số đề trái phép”.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Bùi Thị N, ông Hoàng Minh C, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn V đã thành khẩn khai báo về hành vi mua - bán trái phép số lô số đề của mình đúng như nội dung đã nêu trên; ngoài ra N còn khai vào khoảng đầu tháng 6 năm 2020, chị Vũ Thị S; sinh năm 1974; trú tại: Xóm 8, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định đã gặp N và đề nghị N làm thư ký đề cho chị S. Chị S và N đã thỏa thuận: Tiền công chị S trả cho N cứ 01 điểm lô N bán được cho khách khi chuyển lại cho chị S thì N được hưởng 1.000 đồng, còn đề thì cứ 100.000 đồng N được hưởng 15.000 đồng và cứ vào khoảng 18 giờ 15 phút hàng ngày, N tổng hợp tất cả các số lô, số đề N đã bán được trong ngày rồi N trực tiếp đem bảng tổng hợp đến nhà chị S để nộp, sau đó đến sáng ngày hôm sau chị S sẽ đến gặp N để thanh toán tiền thắng thua và tiền công cho N ngày hôm trước. Theo quy ước, N bán cho khách 01 điểm lô giá là 22.500 đồng, còn các số đề thì tính theo đơn vị nghìn đồng, số đề khách mua bao nhiêu thì sẽ bán bấy nhiêu và khi nào có kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng vào lúc 18 giờ 15 phút hàng ngày thì N tự đối chiếu và nếu có số lô số đề nào mà N đã bán được trúng thưởng thì N sẽ trả tiền cho khách trúng thưởng trước rồi sẽ thanh toán với chị S sau, còn các số lô số đề nào mà không trúng thưởng thì N và chị S sẽ hưởng hết số tiền mà khách đã mua theo sự thỏa thuận giữa hai người.

Cáo trạng số 41/CT-VKSVB ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Bùi Thị N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị N đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bùi Thị N như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật áp dụng: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Bùi Thị N phạm tội “Đánh bạc”.
- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Bùi Thị N từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.
- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX:
 - + Tịch thu sung vào N sách Nhà nước: Số tiền 8.924.000 đồng.
 - + Tịch thu bán hóa giá để sung vào N sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu xám, số Imei: 353324072143065, có gắn sim số 0827506897.
 - + Tịch thu tiêu hủy: 01 bút bi nhãn hiệu Thiên Long, vỏ màu đen, mực đen; 04 tờ cáp đề bằng giấy kích thước (5,8 x7,4) cm; 02 bảng ghi số lô số đề bằng giấy kích thước (21x15) cm.
 - + Trả lại cho bị cáo Bùi Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, số Imei1: 861570044804516, số Imei 2: 861570044804508, có gắn sim số 0816381669.
- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Bùi Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Thị N tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 29-6-2020; Các vật chứng đã thu giữ; Kết luận giám định số 763 ngày 15-7-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; Lời khai của bị cáo, của người làm chứng, của người chứng kiến tại cơ quan điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác. Nên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 29-6-2020, tại nhà ở của gia đình bị cáo Bùi Thị N ở Xóm 5, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, bị cáo Bùi Thị N đã thực hiện hành vi

bán trái phép số lô số đề cho ông Hoàng Minh C, sinh năm 1963, ở thôn T, L, V, Nam Định số đề 71 là 20.000 đồng, số đề 95 là 10.000 đồng, số đề kép gồm có các số 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 mỗi số là 50.000 đồng; các số lô 05, 52, 54, 47, 63 mỗi số là 30 điểm; với tổng số tiền là 3.905.000 đồng và bán cho ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969, ở xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định số đề 88 là 5.000 đồng, số đề có tổng bằng 4 gồm có các số 04, 40, 13, 31, 59, 95, 68, 86, 22, 77 mỗi số là 50.000 đồng; các số lô 17, 71 mỗi số là 25 điểm; với tổng số tiền là 1.630.000 đồng thì bị Tổ công tác của Công an huyện V phát hiện bắt quả tang; ngoài ra trong cùng ngày trước khi bị bắt quả tang bị cáo N còn bán cho một số người khác, với tổng số tiền là 2.889.000 đồng và bán bằng tin nhắn điện thoại cho anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1974, ở xóm 3, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định số lô 08 là 20 điểm và số lô xiên 4 gồm có các số 08, 23, 65, 63 là 50.000 đồng; với tổng số tiền là 500.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị cáo N đã bán trái phép số lô số đề trong ngày 29-6-2020 là 8.924.000đ (Tám triệu chín trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Đối chiếu hành vi mà bị cáo Bùi Thị N đã thực hiện với những quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì thấy hành vi đó của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố và luận tội đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và sự đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị N đã xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Ngày 17-01-2014, bị cáo bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ, mua bán đồ chơi nguy hiểm” và ngày 07-03-2017 bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Bán bằng số đề”.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận. Nên, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có khả năng tự cải tạo được nên chỉ cần áp dụng Điều 35 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng có đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội và cũng là để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải; về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn. Nên, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 8.924.000 đồng, là số tiền các đối tượng đã sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung vào N sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, số Imei: 353324072143065, có gắn sim số 0827506897, bị cáo N đã sử dụng chiếc điện thoại này làm công cụ, phương tiện bán số lô cho anh Nguyễn Văn V nên tịch thu bán hóa giá để sung vào N sách Nhà nước.

- Đối với 01 bút bi nhãn hiệu Thiên Long, vỏ màu đen, mực đen; 04 tờ cáp đề bằng giấy kích thước (5,8 x 7,4) cm; 02 bảng ghi số lô số đề bằng giấy kích thước (21x15) cm, tất cả các vật này đều có liên quan đến việc bị cáo N bán trái phép số lô số đề nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, số Imei: 861570044804516, Imei 2: 861570044804508, có gắn sim số 0816381669, xét chiếc điện thoại này không có liên quan gì đến việc phạm tội của bị cáo N nên trả lại cho bị cáo.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Bùi Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với hành vi mua số lô số đề của ông Hoàng Minh C, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn V. Do số lượng tiền của từng người mua số lô số đề đều dưới mức quy định của pháp luật và ông C, ông B, anh V cũng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và cũng chưa bị kết án về hành vi này. Do đó, chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C, ông B và anh V, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9]. Đối với hành vi mua số lô số đề của một số người khách đến uống bia tại quán của nhà bị cáo Bùi Thị N. Do bị cáo N không biết được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người đó nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10]. Đối với chị Vũ Thị S. Quá trình điều tra chị S khai có quen biết với bị cáo N từ lâu, nhưng chị không biết gì về việc bị cáo N bán số lô số đề và chị cũng không thừa nhận việc bị cáo N làm thư ký đề cho chị cũng như việc chị mua lại số lô số đề của bị cáo N và quá trình điều tra cũng không thu giữ được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc N làm thư ký đề cho chị S và việc chị S mua lại số lô số đề của bị cáo N nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tách hồ sơ ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị N 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Buộc bị cáo Bùi Thị N phải nộp tiền một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 8.924.000đ (Tám triệu chín trăm hai mươi tư nghìn đồng).

- Tịch thu bán hóa giá để sung vào N sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, số Imeil: 353324672143065, có gắn sim số 0827506897, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bút bi nhãn hiệu Thiên Long, vỏ màu đen, mực đen; 04 (bốn) tờ cáp đề bằng giấy, kích thước là (5,8 x 7,4) cm; 02 (hai) bảng ghi số lô, số đề bằng giấy trắng, kích thước là (21x15) cm.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, số Imeil: 861570044804516, số Imei 2: 861570044804508, có gắn sim số 0816381669, điện thoại đã qua sử dụng.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định, theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27-8-2020 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Thị N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh ND;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

